

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/DS - PT
Ngày 23 - 02 - 2022
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài
sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Hùng

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Trung

Bà Ngô Thị Kim Châu

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thị Hồng Nhả - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Lánh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2021/TLPT-DS ngày 10 tháng 12 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2021/DS-ST ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 60/2021/QĐ-PT ngày 06 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Dương Thị C, sinh năm 1967

Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Bà Dương Thị T, sinh năm 1974

Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Văn G, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Người kháng cáo: Bà Dương Thị T là bị đơn.

- Viện kiểm sát nhân dân kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Dương Thị C trình bày: Vào năm 2018 bà Dương Thị T có vay tiền của bà nhiều lần cụ thể như sau:

Ngày 20/5/2018 vay 40.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng, bà T đóng lãi được 03 tháng, còn nợ tiền lãi 26 tháng từ ngày 20/8/2018 đến ngày 20/10/2020 là 62.400.000 đồng.

Ngày 10/6/2018 vay 30.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng, đóng lãi được 03 tháng, còn nợ tiền lãi 25 tháng từ ngày 10/9/2018 đến ngày 10/10/2020 là 45.000.000 đồng.

Ngày 15/6/2018 vay 50.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng, đóng lãi được 03 tháng, còn nợ tiền lãi 25 tháng từ ngày 15/9/2018 đến ngày 15/10/2020 là 75.000.000 đồng.

Ngày 18/6/2018 vay 100.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng, bà T đóng lãi được 03 tháng, còn nợ tiền lãi 25 tháng từ ngày 18/9/2018 đến ngày 18/10/2020 là 150.000.000 đồng.

Ngày 19/6/2018 vay 20.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng, bà T không có đóng lãi, còn nợ tiền lãi 28 tháng từ ngày 19/6/2018 đến ngày 19/10/2020 là 33.600.000 đồng.

Ngày 09/11/2018 vay 180.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, bà T không có đóng lãi, còn nợ tiền lãi 23 tháng từ ngày 09/11/2018 đến ngày 09/10/2020 là 207.000.000 đồng.

Ngày 09/12/2018 vay 220.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, bà T không có đóng lãi, còn nợ tiền lãi 22 tháng từ ngày 09/12/2018 đến ngày 09/10/2020 là 242.000.000 đồng.

Để có số tiền trên cho bà T vay, bà phải hỏi vay tiền của người khác, bà đã đóng lãi với số tiền 815.000.000 đồng và bà đã đóng lãi cho bà T cho những lần vay trước đó với số tiền là 41.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu bà Dương Thị T, ông Phạm Văn G trả cho bà số tiền 1.496.000.000 đồng (trong đó tiền gốc là 640.000.000 đồng, tiền lãi 815.000.000 đồng và tiền lãi trước đó là 41.000.000 đồng) và tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 10/10/2020 đến khi xét xử sơ thẩm. Trong quá trình giải quyết vụ án thì bà C thay đổi yêu cầu, rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 240.000.000 đồng của các biên nhận: Biên nhận ngày 20/5/2018 với số tiền 40.000.000 đồng, biên nhận ngày 10/6/2018 với số tiền 30.000.000 đồng, biên nhận ngày 15/6/2018 với số tiền 50.000.000 đồng, biên nhận nợ ngày 18/6/2018 với số tiền 100.000.000 đồng, biên nhận ngày 19/6/2018 với số tiền 20.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà C chỉ yêu cầu bà T, ông G trả số tiền nợ vay 400.000.000 đồng theo biên nhận chốt nợ ngày 09/12/2018 (bút lục 07) và yêu cầu tính lãi từ ngày 09/12/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất theo quy định pháp luật; đối với yêu cầu trả phần tiền lãi 815.000.000 đồng và tiền lãi 41.000.000 đồng thì bà C thay đổi yêu cầu, bà xin rút lại không yêu cầu bà T, ông G trả phần tiền lãi này.

Theo bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Dương Thị T trình bày: Bà thừa nhận năm 2018 bà có vay tiền của bà C nhiều lần với tổng số tiền là

400.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 10%/tháng, 10 ngày đóng lãi 01 lần, sau khi vay bà có đóng lãi đầy đủ, từ tháng 08/2019 cho đến nay thì bà không có đóng lãi. Mục đích vay tiền là để đóng lãi cho người khác, vì trước đây bà vay tiền của người khác để làm kinh tế gia đình. Việc vay tiền của bà C thì chồng của bà là ông Phạm Văn G biết, khi bà C đến đòi nợ thì ông G có hứa trả. Nay bà đồng ý trả cho bà C số tiền nợ vay 400.000.000 đồng và yêu cầu không trả lãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn G từ chối không cho lời khai vì ông cho rằng ông không biết việc vay tiền giữa vợ ông bà T với bà C.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2021/DS-ST ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang đã quyết định:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị C.

Buộc bà Dương Thị T, ông Phạm Văn G phải liên đới trả cho bà Dương Thị C số tiền nợ vay 400.000.000 đồng và tiền lãi là 114.650.666 đồng. Tổng cộng là 514.650.666 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu T cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 28 tháng 10 năm 2021, bà Dương Thị T kháng cáo bản án sơ thẩm, không chấp nhận trả số tiền lãi 114.650.666 đồng cho bà C, bà chỉ đồng ý trả số tiền lãi từ ngày bà C khởi kiện tại Tòa án theo mức lãi suất nhà nước quy định và không chấp nhận việc bản án sơ thẩm buộc bà chịu án phí với số tiền 24.586.026 đồng vì bà C hứa với bà là bà C sẽ chịu án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Dương Thị C không rút yêu cầu khởi kiện. Bị đơn bà Dương Thị T giữ nguyên đơn kháng cáo.

Ý kiến của vị Kiểm sát viên: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Dương Thị C, bà Dương Thị T đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; ông Phạm Văn G chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà T, ông G trả cho bà C số tiền nợ vay 400.000.000 đồng và tiền lãi 114.650.666 đồng và buộc bà T, ông G chịu án phí với số tiền là 24.586.026 đồng là đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Dương Thị T. Tuy nhiên, việc bà C rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay 240.000.000

đồng và số tiền lãi 856.000.000 đồng nhưng cấp sơ thẩm không đình chỉ giải quyết phần này là không đúng, đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm về phần này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đối với yêu cầu kháng cáo của bà Dương Thị T không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm buộc bà trả cho bà Dương Thị C số tiền lãi 114.650.666 đồng, bà chỉ đồng ý trả số tiền lãi từ ngày bà C khởi kiện tại Tòa án theo mức lãi suất nhà nước quy định, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án giữa bà C và bà T thống nhất bà T còn nợ bà C số tiền 400.000.000 đồng theo biên nhận chốt nợ ngày 09/12/2018 (Bút lục 07). Bà T cho rằng bà đóng lãi cho bà C đến tháng 8/2019 nhưng bà C không thừa nhận có nhận tiền lãi của bà T trên số tiền gốc 400.000.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định thời gian tính lãi từ ngày 09/12/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là có cơ sở.

Về mức lãi suất: Theo lời khai của bà C thì bà cho bà T vay mới mức lãi suất 6%/tháng, còn bà T thì cho rằng bà vay với mức lãi suất 10%/tháng, đây là trường hợp các bên có tranh chấp về lãi suất. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, điểm a khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ – HĐTP ngày 05/6/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xác định mức lãi suất là 10%/năm là đúng quy định pháp luật.

[2] Đối với yêu cầu kháng cáo của bà T không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm buộc bà chịu số tiền án phí 24.586.026 đồng vì bà cho rằng bà C hứa với bà là bà C sẽ chịu án phí. Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án quy định về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm, do yêu cầu khởi kiện của bà C được Tòa án chấp nhận nên bà phải chịu án phí trên số tiền 514.650.666 đồng mà Tòa án buộc bà phải trả cho bà C. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà C không tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm thay cho bà nên Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của bà.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Dương Thị C rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay 240.000.000 đồng và số tiền lãi 856.000.000 đồng nhưng cấp sơ thẩm không đình chỉ giải quyết phần này là thiếu sót, thiếu sót này không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự nên Tòa án cấp phúc thẩm nhận định để Tòa án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

[5] Từ những nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Dương Thị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Xét ý kiến của vị Kiểm sát viên về việc đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Dương Thị T; như phân tích ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận. Đối với ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm do Tòa án cấp sơ thẩm không đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu mà nguyên đơn xin rút lại, như nhận định ở phần trên, việc thiếu sót này của

Tòa án cấp sơ thẩm không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự nên chỉ cần nhận định rút kinh nghiệm đối với Tòa án cấp sơ thẩm, không phải sửa án sơ thẩm.

[7] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bị đơn bà Dương Thị T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Dương Thị T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2021/DS-ST ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị C.

Buộc bà Dương Thị T, ông Phạm Văn G phải liên đới trả cho bà Dương Thị C số tiền 514.650.666 đồng. Trong đó nợ gốc 400.000.000 đồng và tiền lãi là 114.650.666 đồng (tính từ ngày 09/12/2018 đến ngày 15/10/2021).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu T cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Dương Thị T, ông Phạm Văn G phải liên đới chịu 24.586.026 đồng.

Bà Dương Thị C không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho bà C 28.440.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0002767 ngày 18/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

4. Về án phí phúc thẩm: Buộc bà Dương Thị T phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006661 ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Hùng

CÁC THẨM PHÁN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Kim Châu

Trịnh Hữu Bình

Trần Văn Dừa